

**TÒA PHÚC THẨM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 120/2025/HC-PT

Ngày 05/9/2025.

*V/v kiện quyết định hành chính
trong việc buộc thực hiện biện
pháp khắc phục hậu quả”.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Trần Thị Kim Liên**

Các Thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông **Đinh Phước Hoà**

- Thư ký phiên tòa: bà **Lữ Thị Hằng** - Thẩm tra viên chính Toà phúc thẩm
Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: ông
Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao
tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
71/2025/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2025 về việc “Kiện quyết định hành
chính trong việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2025/HC-ST ngày 12/6/2025 của Tòa
án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 419/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 8
năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Lô Thị L** - sinh năm 1976.

Địa chỉ: **thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk).**
Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lô Thị L: ông **Võ Đình S** (văn bản uỷ
quyền ngày 12/6/2024); địa chỉ: **số A đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk
Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk).** Có mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân xã E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E: ông Nguyễn Tất Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (văn bản uỷ quyền số 01/GUQ-UBND ngày 28/8/2025). Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã E và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã E: ông Nguyễn Đình Q - Phó Trưởng Ban Kinh tế xã E. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân xã C (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng là Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đắk Lắk).

- Người đại diện theo uỷ quyền: ông Nguyễn Tất Đ; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk (văn bản uỷ quyền số 01/GUQ-UBND ngày 28/8/2025). Có mặt.

3.2. Bà Cù Thị Ngọc H và ông Cù Văn H1.

Cùng địa chỉ: thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

- Người đại diện theo uỷ quyền của bà Cù Thị Ngọc H và ông Cù Văn H1: ông Võ Đình S (văn bản uỷ quyền ngày 29/10/2024); địa chỉ: số A đường S, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường E, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

4. Người kháng cáo: người khởi kiện bà Lô Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện bà Lô Thị L trình bày:

Vào cuối năm 1998 và năm 1999, gia đình bà L có khai hoang 01 lô đất diện tích khoảng 6.480m² tọa lạc tại vị trí ngã 4 thôn D, xã C, huyện E. Thửa đất có đặc điểm và tứ cận giáp ranh như sau: phía Đông giáp Đ1 liên xã có cạnh dài khoảng 120m, phía Tây giáp vườn nhà ông H2 có cạnh dài 54m, phía Nam giáp đất chia cho giáo viên có cạnh dài khoảng 120m, phía Bắc giáp đường liên thôn có cạnh dài 54m. Năm 2000, gia đình bà làm nhà ở và nhà kho kinh doanh mua bán nông sản và phân bón, có chiều giáp đường là 30m (nhà ở 18m + nhà kho 12m). Tuy nhiên, khi đo đạc và lập bản đồ địa chính thì lô đất của gia đình bà có diện tích khoảng 5.400m² bị tách thành 02 thửa đất là: thửa đất số 165, diện tích

1000m² và thửa đất số 165a (nay là thửa đất số 171), diện tích 4.235m². Nhà ở và nhà kho của gia đình bà được xây dựng trên 02 thửa đất số 165 và thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 thuộc **thôn D, C, huyện E**. Thửa đất 165 được **Ủy ban nhân dân huyện E** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 799779 ngày 09/6/2006, diện tích 1.000m², trong đó có: 400m² đất ở và 600m² đất trồng cây lâu năm. Diện tích thửa đất số 171 còn lại **Ủy ban nhân dân xã C** cho rằng: gia đình bà mượn đất của **Ủy ban nhân dân xã C** nên không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Ủy ban nhân dân xã không cung cấp được chứng cứ cho gia đình bà mượn đất. Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 **Ủy ban nhân dân huyện E** thu hồi thửa đất số 171, diện tích 4.235m². Cho đến nay gia đình bà không được nhận Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND. Ngày 14/04/2024, **Ủy ban nhân dân xã C** tiến hành đo đạc lập Biên bản làm việc số 11/BB-LV có nội dung: sau khi có Quyết định thu hồi 4.235m² đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, **xã C** đến nay bà **Lô Thị L** vẫn đang sử dụng đất để làm nhà ở và trồng cây hằng năm khác. Hiện trường: nhà ở diện tích 11,4 x 13m = 148,2m², cao 3,5m, xây dựng từ năm 2000. Đất trồng cây hằng năm khác (đất trồng bắp), diện tích 4.086,8m². Ngày 17/04/2024, **Ủy ban nhân dân xã C** lập Biên bản vi phạm hành chính số 14/BB-VPHC, với nội dung: có hành vi vi phạm hành chính: chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, cụ thể là chiếm đất ở, diện tích 4.235m² tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, **xã C, huyện E**, thời điểm chiếm: năm 1998, thời điểm phát hiện: năm 2010, loại đất chiếm: đất ở nông thôn. Ngày 29/10/2010, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND. Ngày 06/06/2024, Chủ tịch **UBND huyện E** ban hành Quyết định số 1997/QĐ-UBND về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Ngày 12/6/2024 và ngày 16/12/2024, bà **L** đã làm đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Hủy toàn bộ Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của **Ủy ban nhân dân huyện E** đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, **xã C, huyện E**;

- Hủy toàn bộ Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, **xã C, huyện E**.

** Tại bản tự khai của người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện **Ủy ban nhân dân huyện E** và Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** là ông **Ngô Văn T** trình bày:*

- Đối với nội dung yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của **Ủy ban nhân dân huyện E**: ngày 06/11/2009, **Ủy ban nhân dân huyện B** Quyết định số 1827/QĐUBND thành lập Tổ kiểm tra, xác

minh một số nội dung về Quản lý bảo vệ rừng, quản lý đất đai tại xã C. Ngày 28/02/2010, Tổ kiểm tra số 1827 có Báo cáo số 01/BC-TKT về kết quả kiểm tra xác minh một số nội dung về quản lý bảo vệ rừng và quản lý sử dụng đất tại xã C. Theo đó, Tổ xác minh xác định ông Cù Văn T1 (chết) là chồng của bà Lô Thị L bao chiếm bất hợp pháp 4.235m² đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 xã C. Tổ kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện thu hồi đất của ông Cù Văn T1 đối với diện tích lần, chiếm trái phép trên. Ngày 27/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 595/QĐ-UBND về việc giải quyết nội dung theo Báo cáo kết luận của Tổ xác minh số 1827 tại xã C. Theo đó, Ủy ban nhân dân huyện Đ2 với nội dung Báo cáo số 01/BCTKT ngày 28/02/2010 của Tổ kiểm tra số 1827. Ngày 29/10/2010, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 1534/QĐ-UBND thu hồi 4.235m² đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 xã C do bà Lô Thị L sử dụng. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 thu hồi 4.235m² đất tại thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 xã C đối với bà Lô Thị L là đúng quy định của pháp luật. Từ năm 2010 đến nay, bà Lô Thị L không khiếu nại đối với Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E. Đến nay bà L mới khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính thì bà Lô Thị L đã hết thời hạn, thời hiệu khởi kiện. Do vậy, Ủy ban nhân dân huyện E đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của bà L.

- Đối với nội dung khởi kiện của bà Lô Thị L yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện E buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: ngày 17/4/2024, Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản làm việc số 11/BBLV xác định bà Lô Thị L, địa chỉ: thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk có hành vi chiếm 4.235m² đất, trong đó: 149,2m² đã xây dựng nhà ở, 4.086,8m² đất nông nghiệp là đất trồng cây hàng năm khác, thuộc thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, xã C, thời điểm chiếm đất là năm 1998. Cùng ngày 17/4/2024, Ủy ban nhân dân xã C tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-VPHC về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với hành vi chiếm 4.235m² đất; trong đó: 149,2m đã xây dựng nhà ở, 4.086,8m² đất nông nghiệp là đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 171 tờ bản đồ số 13, xã C, thời điểm chiếm đất: năm 1998. Xác định bà Lô Thị L vi phạm điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai. Cùng ngày 17/4/2024, Ủy ban nhân dân xã C có công văn số 82/UBNDĐCXD về việc chuyển hồ sơ vi phạm hành chính về đất đai đối với 02 đối tượng, trong đó có bà Lô Thị L. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E tại Tờ trình số 118/TTr-TNMT ngày 04/6/2024 và các quy định của pháp luật liên quan, ngày 06/6/2024, Ủy ban nhân dân huyện B Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ buộc bà Lô Thị L, địa chỉ thôn D, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk khôi phục lại tình trạng ban

đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã C để quản lý theo quy định. Từ kết quả kiểm tra hồ sơ nêu trên cho thấy: việc Ủy ban nhân dân huyện E ban hành Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 buộc bà Lô Thị L, khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã C để quản lý theo quy định là đúng quy định. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện E đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện nêu trên của bà Lô Thị L.

* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đình S trình bày: ông Cù Văn HI và bà Cù Thị Ngọc H (con ruột của bà Lô Thị L) cùng quan điểm và ý chí của người khởi kiện bà Lô Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2025/HC-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 2, 3 Điều 116; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật Tổ tụng Hành chính; điểm a khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 38; khoản 2 Điều 58; Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2020); điểm c khoản 4, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lô Thị L về việc: huỷ toàn bộ Quyết định số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của Ủy ban nhân dân huyện E về việc thu hồi đất của hộ bà Lô Thị L.

Đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đối với Quyết định nêu trên nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lô Thị L về việc: huỷ toàn bộ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/6/2025, người khởi kiện bà Lô Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện bà **Lô Thị L** và ông **Võ Đình S** là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà **Lô Thị L** thống nhất trình bày: ông, bà chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, huỷ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Đối với Quyết định thu hồi đất số 1534/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của **Ủy ban nhân dân huyện E**, cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết thì bà **L** không kháng cáo.

- Ông **Nguyễn Đình Q** là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Lô Thị L**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà **Lô Thị L** về việc yêu cầu huỷ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà **Lô Thị L**, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà **Lô Thị L** yêu cầu huỷ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1.1] Về tính hợp pháp của Quyết định số 1997/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, Hội đồng xét xử thấy: ngày 29/10/2010, **Ủy ban nhân dân huyện E** ban hành Quyết định số 1534/QĐ-UBND về việc thu hồi thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13, diện tích 4.235m² đất tại **xã C** do hộ bà **Lô Thị L** đang quản lý, sử dụng vì lý do: **Ủy ban nhân dân xã C** cho mượn đất sai thẩm quyền. Ngày 02/7/2012, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 1397/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất ở để thu tiền sử dụng đất cho các hộ trên địa bàn **huyện E**, trong đó có hộ bà **L** cho phép đăng ký một phần thửa đất số 171, tờ bản đồ số 13 tại **xã C, huyện E**, diện tích 266m² đất. **Ủy ban nhân dân huyện E** đã thông báo giá đất ở cho hộ gia đình bà **L** để thực hiện nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 266m² đất mà hộ bà **L** đã xây dựng nhà và vật kiến trúc trên thửa đất số 171 nêu trên. Tuy nhiên, hộ bà **L** không thực hiện nghĩa vụ tài chính để được giao quyền sử dụng

theo chủ trương của chính quyền địa phương và cũng không giao trả thửa đất số 171 cho Ủy ban nhân dân xã C mà còn có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp là đất ở tại khu vực nông thôn, diện tích 4.235m². Hành vi này đã vi phạm điểm c khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân xã C lập Biên bản vi phạm hành chính số 12/BB-HC ngày 17/4/2024 đối với bà L là đúng quy định tại khoản 2 Điều 58 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

[1.2] Do đã quá thời hiệu xử lý vi phạm hành chính nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E không ban hành quyết định xử phạt hành chính mà ban hành Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, buộc bà L khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất đã chiếm cho Ủy ban nhân dân xã C để quản lý theo quy định, là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và có căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 38 của Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020); điểm c khoản 4, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

[2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Toà án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L về việc huỷ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lô Thị L như đề nghị của ông Nguyễn Đình Q và đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[3] Do nội dung kháng cáo của bà Lô Thị L không được chấp nhận nên bà L phải nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng Hành chính,

Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Lô Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 65/2024/HC-ST ngày 12/6/2025 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 28, điểm đ khoản 2 Điều 38, khoản 2 Điều 58, Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm

2020); điểm c khoản 4, điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà **Lô Thị L** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: huỷ toàn bộ Quyết định số 1997/QĐ-KPHQ ngày 06/6/2024 của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân huyện E** (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là **Ủy ban nhân dân xã E**, tỉnh Đắk Lắk) về buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Về án phí: bà **Lô Thị L** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000269 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (do ông **Võ Đình S** nộp thay).

3. Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Liên